

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
- Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: Số xx, đường ĐX, Tổ 41, Khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
 - Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ thường trú: Số xx, đường ĐX, Tổ 41, Khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Anh T và bà Lê Thị H chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có hạnh phúc. Ông Huỳnh Anh T và bà Lê Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do ông T và bà H đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với

quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống ông Huỳnh Anh T và bà Lê Thị H có 02 con chung là Huỳnh Lê P, sinh ngày 13/3/1989 và Huỳnh Lê M, sinh ngày 24/9/1995, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Anh T và bà Lê Thị H mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Anh T và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Huỳnh Lê P, sinh ngày 13/3/1989 và Huỳnh Lê M, sinh ngày 24/9/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Anh T nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); bà Lê Thị H nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0002263 ngày 25/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

THẨM PHÁN

- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND phường Đ, TP. T, tỉnh Bình Dương (GCN KH số xx, ngày xx/xx/2018);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Minh Nga